

Số: 10/2024/QĐST-KDTM

Vinh Tường, ngày 08 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2024/TLST- KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành lập ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám Đốc Ngân hàng N; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh T4, Vinh Phúc; Địa chỉ: Thị trấn T, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Đ - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh T4, Vinh Phúc; Địa chỉ: Thị trấn T, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị T2, sinh năm: 1973; Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1942; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T3 là bà Dương Thị T2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ: Sau khi đã áp dụng cơ chế miễn giảm lãi và ông T1, bà T2 thực hiện trả nợ đầy đủ đúng theo cam kết thì giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 thống nhất tính đến ngày 31/7/2024 ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 còn nợ của Ngân hàng N tổng số tiền 630.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm ba mươi triệu đồng).

2.2 Hai bên thống nhất về thời gian trả nợ như sau:

Trong ngày 31/7/2024 ông T1, bà T2 trả nợ Ngân hàng 100.000.000đồng (đã thanh toán xong), chậm nhất đến ngày 31/8/2024 ông T1, bà T2 trả nợ Ngân hàng 100.000.000đồng,

Chậm nhất đến ngày 31/12/2024 ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 trả nợ Ngân hàng 100.000.000đồng;

Số nợ còn lại được trả trong thời hạn 04 năm tiếp theo (kể từ ngày 31/12/2024 đến ngày 30/6/2028) cụ thể như sau:

Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 ông T1, bà T2 trả nợ Ngân hàng 80.000.000đồng; chậm nhất đến ngày 30/6/2026 ông T1, bà T2 trả nợ Ngân hàng 80.000.000đồng; chậm nhất đến ngày 30/6/2027 ông T1, bà T2 trả Ngân hàng 80.000.000đồng; chậm nhất đến ngày 30/6/2028 ông T1, bà T2 sẽ phải tất toán khoản vay cho Ngân hàng với số tiền còn lại là 90.000.000đồng.

Nếu ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị Tuyết vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ thời hạn trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại tại các kỳ trả nợ tiếp theo đồng thời Ngân hàng không áp dụng cơ chế miễn giảm lãi cho ông T1, bà T2 mà Ngân hàng sẽ buộc ông T1, bà T2 trả toàn bộ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/7/2024 là: 2.693.186.439đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 300.000đồng; nợ lãi là: 2.692.886.439đồng (trong đó lãi trong hạn là 1.820.265.126 đồng và lãi quá hạn là: 872.621.313đồng) cùng các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh từ ngày 31/7/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp ông T1, bà T2 không nộp tiền thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số: 11, diện tích 350m² ở Khu C, thị trấn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B331309, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/1992 đứng tên ông Nguyễn Văn T3 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 29/HĐTC ngày 28/02/2011 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 đã ký.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 vẫn phải có trách nhiệm trả hết nợ vay cho Ngân hàng cả gốc và lãi.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T1, bà Dương Thị T2 tự nguyện nộp số tiền 14.600.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng N không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 43.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004974 ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải